TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST Ngày: 15/3/2019 V/v tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Đức Hữu
Ông Nguyễn Tuấn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/3/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987
Cư trú tại: Thôn 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
- *Bị đơn*: Anh Hà Xuân N, sinh năm 1991
Cư trú tại: Thôn 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
Chị T có mặt, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Hà Xuân N tự nguyện kết hôn với nhau ngày 22/11/2013, đăng ký tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi cưới, vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 2 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Niên chơi bời, về sinh sự, kiếm cớ nghi ngờ, ghen tuông, đánh đập chị. Từ tháng 11/2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin được ly hôn anh N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2019, phía bị đơn là anh Hà Xuân N xác nhận về mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân do chị T không chỉn chu chăm

lo cho gia đình, còn có nhiều biểu hiện ngoại tình nên vợ chồng nảy sinh nhiều xô xát, đánh chửi nhau. Nay anh cũng xác định vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, chị T xin ly hôn anh nhất trí.

- Về con chung: Chị T và anh N xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Hà Tuyết M, sinh ngày 01/9/2014 và Hà Hồng N1, sinh ngày 01/9/2014 đều đang ở với anh N. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi một cháu, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh N xin được tiếp tục nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh N đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Hà Xuân N.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị T và anh Hà Xuân N mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung. Chị T và an N không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh N đều không đề nghị nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Phạm Thị T cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung của vợ chồng với bị đơn là anh Hà Xuân N cư trú tại cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh N tuy vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Hà Xuân N kết hôn với nhau tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, là một hôn nhân hợp pháp. Hai bên sống hòa thuận được khoảng 2 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do không tin tưởng dẫn đến đánh chửi nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ tháng 11/2018, vợ chồng đã sống ly thân không có trách nhiệm với nhau.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn nữa. Việc chị T xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2].Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung sinh đôi, hiện các cháu còn nhỏ. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng đều có quyền, nghĩa vụ như nhau trong việc chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con. Tuy anh N đang nuôi cả hai cháu, nhưng chị T cũng có đủ điều kiện nuôi con, chị T có chỗ ở và thu nhập ổn định. Do vậy sau khi ly hôn sẽ buộc anh N giao cho chị T nuôi dưỡng một cháu. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[2.3].Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh N không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Hà Xuân N.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Tuyết M, sinh ngày 01/9/2014 cho anh Hà Xuân N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có nghĩa vụ giao cháu Hà Hồng N1, sinh ngày 01/9/2014 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị T và anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0003014 ngày 02/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị Phạm Thị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cụcThi hành án;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

(đã ký)

Lê Vũ Thường